

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Hải Phòng - Tháng 8 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/02/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 09/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/3/2011.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cở phiếu PTS.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
Ông Mai Thế Cung	Thành viên
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hàng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được lập ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cở sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi thấy không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP ĐANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		92.336.336.164	75.139.289.224
I- Tiền	110		2.635.081.197	2.621.404.018
1. Tiền	111	5.1	2.635.081.197	2.621.404.018
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.115.659.795	1.763.115.966
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	4.607.353.099	2.368.345.210
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.2	(1.491.693.304)	(605.229.244)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.562.639.257	31.113.934.381
1. Phải thu khách hàng	131		15.112.762.978	9.585.520.174
2. Trả trước cho người bán	132		23.089.481.578	17.845.436.102
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	5.360.394.701	3.682.978.105
IV- Hàng tồn kho	140		40.858.165.525	37.986.773.152
1. Hàng tồn kho	141	5.4	40.858.165.525	37.986.773.152
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.164.790.390	1.654.061.707
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		408.818.260	86.567.496
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.5	1.154.972.130	1.153.494.211
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	601.000.000	414.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		81.666.691.852	79.922.784.738
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
II Tài sản cố định	220		65.998.675.829	62.892.182.679
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	59.950.824.411	60.444.020.440
- Nguyên giá	222		87.992.573.290	84.956.469.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.041.748.879)	(24.512.448.645)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	6.047.851.418	2.448.162.239
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.097.189.825	6.386.381.556
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	4.197.189.825	5.786.381.556
3. Đầu tư dài hạn khác	258	511	900.000.000	600.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.570.826.198	10.644.220.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	9.880.044.673	10.003.545.610
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	683.281.525	633.174.893
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		174.003.028.016	155.062.073.962

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		84.774.610.846	85.358.806.368
I- Nợ ngắn hạn	310		80.531.338.202	81.115.533.724
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	652.225.000	3.304.450.000
2. Phải trả người bán	312		18.002.707.793	12.163.777.258
3. Người mua trả tiền trước	313		50.495.634.227	49.990.874.829
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	1.246.880.306	900.780.291
5. Phải trả người lao động	315		4.365.736.493	6.997.112.085
6. Chi phí phải trả	316		25.000.000	24.466.233
7. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.16	3.670.820.748	5.939.604.276
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.072.333.635	1.794.468.752
II- Nợ dài hạn	330		4.243.272.644	4.243.272.644
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	3.780.047.469	3.780.047.469
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		463.225.175	463.225.175
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		89.228.417.170	69.703.267.594
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	89.228.417.170	69.703.267.594
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	38.280.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.525.862.898
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.633.915.177	11.511.994.612
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.098.213.858	2.638.258.380
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.791.785.675	10.747.151.704
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		174.003.028.016	155.062.073.962

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Chỉ tiêu	TM	30/6/2011	01/01/2011
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		29.860.000	29.860.000

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		168.731.376.373	158.708.489.356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	168.731.376.373	158.708.489.356
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	151.586.201.926	143.271.050.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.145.174.447	15.437.438.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	154.156.462	59.371.266
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	5.22	1.451.687.255	449.282.519
	23		565.223.195	546.406.531
8. Chi phí bán hàng	24		2.018.088.707	1.185.095.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.390.799.958	5.729.630.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.438.754.989	8.132.801.002
11. Thu nhập khác	31		163.002.727	164.872.727
12. Chi phí khác	32		160.204.500	1.900.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	2.798.227	162.972.727
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		153.813.070	120.545.025
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.595.366.286	8.416.318.754
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.932.083.707	1.800.688.710
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(116.064.568)	42.555.441
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.779.347.147	6.573.074.603
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	1.235	1.889

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MẪU B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.595.366.286	8.416.318.754
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.605.166.306	2.915.298.952
- Các khoản dự phòng	03		886.464.060	(612.780.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		604.236.689	(567.468.005)
- Chi phí lãi vay	06		565.223.195	546.406.531
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		13.256.456.536	10.697.776.232
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.222.141.172)	(11.924.531.998)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.891.261.668)	7.664.790.235
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.739.314.750)	7.479.643.144
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		92.445.654	29.060.491
- Tiền lãi vay đã trả	13		(565.223.195)	(546.406.531)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.983.528.242)	(1.018.276.056)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		304.931.818	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.373.457.625)	(1.438.430.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(6.121.092.644)	10.943.625.517
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.744.302.548)	(8.674.834.614)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55.340.909	162.972.727
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(200.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.156.462	179.916.291
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(6.834.805.177)	(8.531.945.596)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17.400.000.000	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.470.000.000	8.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.122.225.000)	(5.652.225.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.778.200.000)	(484.849.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		12.969.575.000	1.862.926.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)</i>	50		13.677.179	4.274.605.921
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.621.404.018	3.231.086.020
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	5.1	2.635.081.197	7.505.691.941

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09a - DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200412699, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/02/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 09/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008, thay đổi lần thứ 8 ngày 05/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/3/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200412699, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 22/3/2011, Vốn điều lệ của Công ty là 55.680.000.000 đồng (tương ứng với 5.568.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng). Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Tên Cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Số 1E/407 Lê Lai, Mái Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Ông Đào Thanh Liêm	Số 44/384 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Ông Nguyễn Văn Hùng	Số 18, Hồ Sen, Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác;
- Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng (gas);
- Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng, môi giới, dịch vụ nhà đất;
- Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ;
- Kinh doanh cảng biển;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh kho bãi;
- Kinh doanh nhà, đất.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là kinh doanh xăng dầu; đóng mới, sửa chữa tàu và dịch vụ vận tải.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giám giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giám giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>06 tháng đầu</u> <u>năm 2011</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	
Máy móc, thiết bị	03 - 08	
Phương tiện vận tải	06 - 14	
Dụng cụ quản lý	03	
Tài sản cố định khác	10	

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.460.352.899	61.952.679
Tiền gửi ngân hàng	1.174.728.298	2.559.451.339
Tổng	2.635.081.197	2.621.404.018

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2011	01/01/2011		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.607.353.099		2.368.345.210
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO</i>	74.106	1.112.598.835	42.106	931.556.835
<i>Cty CP Vận tải và Thuê tàu-VFR</i>			-	-
<i>Cty CP bao bì PP- HBP</i>	22.300	376.098.025	22.300	376.098.025
<i>Cty CP Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp- IDJ</i>	75.000	960.250.350	75.000	960.250.350
<i>Cty CP Hóa dầu Petrolimex- PLC</i>	18	180.000	15	150.000
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu đường thuỷ Petrolimex- PJT</i>	19.410	158.225.889	10.000	100.290.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.491.693.304)		(605.229.244)

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Bảo hiểm xã hội	100.202.480	79.272.218
Công ty Cổ phần Chứng khoán	20.706.176	18.932.603
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	97.382.033	22.775.551
Phải thu của các tàu vận tải thủy	4.238.560.026	2.972.409.596
Phải thu của các tàu vận tải biển	845.265.856	375.572.666
Thuế thu nhập cá nhân	-	132.205.278
Phải thu khác	58.278.130	81.810.193
Tổng	5.360.394.701	3.682.978.105

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 4 Hàng tồn kho

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.898.716.264	3.209.006.442
Công cụ, dụng cụ	44.589.075	45.842.438
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.415.035.550	32.594.508.853
Hàng hoá	6.499.824.636	2.137.415.419
Tổng	40.858.165.525	37.986.773.152

5. 5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thửa	1.154.972.130	1.144.564.318
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.929.893
Tổng	1.154.972.130	1.153.494.211

5. 6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	598.000.000	411.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	601.000.000	414.000.000

5. 7 Phải thu dài hạn khác

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu dài hạn khác	42.701.000	42.701.000
Tổng	42.701.000	42.701.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUỶ TÙNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phuromtient vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2011	14.331.327.171	4.109.088.996	64.666.143.495	1.559.354.999	290.554.424	84.956.469.085
Tăng trong kỳ	1.173.649.072	949.317.627	964.458.122	24.545.456	-	3.111.970.277
Mua trong kỳ	25.220.000	949.317.627	-	24.545.456	-	999.083.083
XDCB hoàn thành	1.148.429.072	-	964.458.122	-	-	2.112.887.194
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	6.037.500	69.828.572	-	-	-	75.866.072
Thanh lý tài sản	6.037.500	69.828.572	-	-	-	75.866.072
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2011	15.498.938.743	4.988.578.051	65.630.601.617	1.583.900.455	290.554.424	87.992.573.290
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2011	2.358.846.518	2.536.060.727	19.168.853.941	382.998.612	65.688.847	24.512.448.645
Tăng trong kỳ	441.653.833	199.595.307	2.811.891.040	122.710.282	29.315.844	3.605.166.306
Khấu hao trong kỳ	441.653.833	199.595.307	2.811.891.040	122.710.282	29.315.844	3.605.166.306
Giảm trong kỳ	6.037.500	69.828.572	-	-	-	75.866.072
Thanh lý tài sản	6.037.500	69.828.572	-	-	-	75.866.072
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2011	2.794.462.851	2.665.827.462	21.980.744.981	505.708.894	95.004.691	28.041.748.879
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2011	11.972.480.653	1.573.028.269	45.497.289.554	1.176.356.387	224.865.577	60.444.020.440
Tại 30/6/2011	12.704.475.892	2.322.750.589	43.649.856.636	1.078.191.561	195.549.733	59.950.824.411
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng theo chấp, cầm cố các khoản vay:						9.517.154.021
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						2.499.595.165

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Kỳ kê toán từ
ngày 01/01/2011
đến ngày 30/6/2011
VND

Tại ngày 01 tháng 01	2.448.162.239
Tăng trong kỳ	10.689.443.621
Giảm trong kỳ	7.089.754.442
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	3.328.073.961
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	2.497.639.843
<i>Giảm khác</i>	1.264.040.638
Tại ngày 30 tháng 6	6.047.851.418

Chi tiết theo nội dung:

	30/6/2011
	VND
Mua sắm tài sản cố định	26.060.604
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	327.073.892
Chi phí xây dựng triền đà	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	406.766.333
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	5.281.577.622
Tổng	6.047.851.418

5. 10 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty liên kết (*)	4.197.189.825	5.786.381.556
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng	4.197.189.825	5.786.381.556
Tổng	4.197.189.825	5.786.381.556

(*) Chi tiết khoản góp vốn vào Công ty liên kết:

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy, bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	12,90%	4.197.189.825	5.786.381.556

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5.11 Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông HP (*)	900.000.000	600.000.000
Tổng	900.000.000	600.000.000

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2008-HTĐT ngày 16/10/2008 giữa Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Petrolimex Hải Phòng về việc hợp tác liên doanh thực hiện Dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở II Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Hải Phòng” tại phường Nam Sơn, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Mục tiêu đầu tư: đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt thiết bị, máy móc, các phương tiện kỹ thuật cần thiết khác tạo thành một cơ sở.

Tổng mức đầu tư của dự án là 86.333.900.000 đồng, chia làm 2 giai đoạn góp vốn. Giai đoạn 1 huy động 12.000.000.000 đồng để thành lập một Công ty cổ phần quản lý đầu tư và tiến hành kinh doanh, khai thác các hạng mục công trình và các hoạt động kinh doanh khác. Công ty nộp tiền góp vốn liên doanh theo thông báo của Bên tham gia hợp tác đầu tư. Tỷ lệ vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư là 25%, số tiền góp vốn đã góp tính đến thời điểm 30/6/2011 là 900.000.000 đồng.

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	10.003.545.610
Tăng trong kỳ	2.614.489.130
Giảm trong kỳ	2.737.990.067
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>2.617.556.818</i>
Tại ngày 30 tháng 6	9.880.044.673
Chi tiết theo nội dung	
	30/6/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	316.815.475
Chi phí sửa chữa lớn	9.500.940.120
Chi phí khác	62.289.078
Tổng	9.880.044.673

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chi phí phải trả của dự án Đông Hải	255.985.573	255.985.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc phát sinh lãi của các giao dịch nội bộ	427.295.952	377.189.320
Tổng	683.281.525	633.174.893

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 14 Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		2.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	652.225.000	1.304.450.000
Ngân hàng Công thương VN - Hải Phòng	-	-
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	302.225.000	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	350.000.000	700.000.000
Tổng	652.225.000	3.304.450.000

5. 15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	383.140.798	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	838.225.192	889.669.727
Thuế thu nhập cá nhân	25.514.316	11.110.564
Tổng	1.246.880.306	900.780.291

5. 16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	406.156.425	948.771.886
Bảo hiểm y tế	10.175.788	13.426.370
Bảo hiểm thất nghiệp	-	156.138
Phải trả, phải nộp khác	3.254.488.535	4.977.249.882
<i>Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam</i>	<i>3.017.160.000</i>	<i>4.773.460.000</i>
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	<i>29.611.410</i>	<i>33.011.410</i>
<i>Tiền thưởng của TCT</i>	<i>17.300.000</i>	<i>17.300.000</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>190.417.125</i>	<i>153.478.472</i>
Tổng	3.670.820.748	5.939.604.276

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 17 Vay và nợ dài hạn

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn	4.432.272.469	5.084.497.469
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	1.982.272.469	2.284.497.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	2.450.000.000	2.800.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	652.225.000	1.304.450.000
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	302.225.000	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	350.000.000	700.000.000
Tổng	3.780.047.469	3.780.047.469

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 20/HĐTD/TH-PN/PGB/HO ngày 09/06/2010 của Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, theo đó:

Số tiền vay	: 3.000.000.000 đồng;
Mục đích vay	: Thanh toán chi phí xây dựng Văn phòng làm việc tại 61 Ngô Quyền
Thời hạn vay	: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời hạn rút vốn	: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất	: quy định cụ thể từng thời kỳ (lãi suất áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến 29/12/2010 là 10,5%/năm);
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là Văn phòng làm việc 61 Ngô Quyền với giá trị tối thiểu 4.667.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 74/HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2010 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng, theo đó:

Số tiền vay	: 3.500.000.000 đồng;
Mục đích vay	: Đầu tư đóng mới tàu PTS 26;
Thời hạn vay	: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời gian trả nợ gốc	: 06 tháng kể từ ngày bén vay nhận tiền vay lần đầu;
Lãi suất	: được quy định trong từng khé ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay là 01 tàu chở dầu PTS-26 sản xuất năm 2010 với giá trị 3.770.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng số 02-74/PLHĐ.HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2010 về việc hỗ trợ lãi suất: mức lãi suất hỗ trợ là 4%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay thực tế năm trong khoảng thời gian từ 01/04/2010 đến ngày 31/12/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUỶ TÙNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Đơn vị tính: VNĐ
Số dư ngày 01/01/2010	34.800.000.000	6.024.502.460	10.543.193.625	1.939.314.386	12.645.298.719	65.952.309.190
Tăng trong năm	3.480.000.000	501.360.438	968.800.987	698.943.994	11.173.692.373	16.822.797.792
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	10.803.260.078	10.803.260.078
Phân phối lợi nhuận	-	-	673.001.511	631.791.969	-	1.304.793.480
Tăng vốn	3.480.000.000	-	-	-	-	3.480.000.000
Tăng khác	501.360.438	295.799.476	67.152.025	370.432.295	1.234.744.234	
Giảm trong năm	-	-	-	-	13.071.839.388	13.071.839.388
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	7.155.839.388	7.155.839.388
Chia cổ tức	-	-	-	-	5.916.000.000	5.916.000.000
Số dư ngày 31/12/2010	38.280.000.000	6.525.862.988	11.511.994.612	2.638.258.380	10.747.151.704	69.703.267.594
Số dư ngày 01/01/2011	38.280.000.000	6.525.862.988	11.511.994.612	2.638.258.380	10.747.151.704	69.703.267.594
Tăng trong kỳ	17.400.000.000	-	2.417.720.041	527.107.503	5.779.347.147	26.124.174.691
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.779.347.147	5.779.347.147
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.417.720.041	527.107.503	-	2.944.827.544
Tăng vốn	17.400.000.000	-	-	-	-	17.400.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	5.734.713.176	6.599.025.115
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	4.626.150.052	4.626.150.052
Giảm khác	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	1.108.563.124	1.972.875.063
Số dư ngày 30/6/2011	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	10.791.785.675	89.228.417.170

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	19.522.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	18.757.200.000
Tổng	<u>55.680.000.000</u>	<u>38.280.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	30/06/2011 (cổ phiếu)	01/01/2011 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.568.000	3.480.000
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	3.480.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

5. 19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	97.561.136.713	80.912.433.045
Doanh thu dịch vụ vận tải	55.298.873.412	41.099.338.249
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	15.631.038.969	21.578.772.569
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	13.932.020.589
Doanh thu bán vật tư	38.181.818	1.117.554.452
Doanh thu dịch vụ khác	202.145.461	68.370.452
Tổng	<u>168.731.376.373</u>	<u>158.708.489.356</u>

5. 20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	93.064.616.490	78.821.358.495
Giá vốn dịch vụ vận tải	44.725.786.518	34.024.380.993
Giá vốn sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	13.692.849.785	19.054.880.100
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	9.910.522.353
Giá vốn bán vật tư	30.413.800	1.395.266.850
Giá vốn dịch vụ khác	72.535.333	64.642.159
Tổng	<u>151.586.201.926</u>	<u>143.271.050.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 21 Doanh thu tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	110.676.462	50.339.266
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	43.480.000	9.032.000
Tổng	154.156.462	59.371.266

5. 22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	565.223.195	546.406.531
Chi phí tài chính khác	886.464.060	(97.124.012)
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	514.784.488
<i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	886.464.060	-
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	(612.780.000)
<i>Chi phí tài chính khác</i>	-	871.500
Tổng	1.451.687.255	449.282.519

5. 23 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thu nhập khác	163.002.727	164.872.727
Thu thanh lý tài sản	128.070.909	164.872.727
Thu nhập khác	34.931.818	-
Chi phí khác	160.204.500	1.900.000
Chi phí thanh lý tài sản	118.454.500	1.900.000
Chi phí khác	41.750.000	-
Lợi nhuận khác	2.798.227	162.972.727

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

5. 24 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.932.083.707	1.800.688.710
Tổng	1.932.083.707	1.800.688.710

5. 25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.779.347.147	6.573.074.603
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.779.347.147	6.573.074.603
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.681.315	3.480.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.235	1.889

5. 26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.740.112.783	33.952.374.620
Chi phí nhân công	15.563.140.157	15.053.324.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.605.166.306	2.915.298.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.172.837.316	3.695.509.897
Chi phí khác bằng tiền	7.783.073.175	6.932.032.197
Tổng	71.864.329.737	62.548.539.752

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Bên liên quan		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	334.000.000	156.150.000
Lương Ban Giám đốc	584.282.750	462.059.091

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
			VND
Công ty XD KV I	Cùng TCT	Chi phí bơm hàng Tiền thiểu hàng	2.104.548.089
Công ty xăng dầu KV II	Cùng TCT	Nhập mua hàng (XD)	191.310.000
Công ty xăng dầu KVIII	Cùng TCT	Nhập mua hàng (XD) Phí bảo quản XD	85.547.090.681 11.524.776
Công ty Xăng dầu Khu Vực 3 (Cửa Hàng Bán Lẻ)	Cùng TCT	Mua vật tư cấp cho CHXD	790.908
Cty CP Thiết Bị Xăng Dầu Petrolimex	Cùng TCT	Mua tài sản (cột bơm XD)	512.230.000
Công ty TNHH một thành viên VIPCO HP	Cùng TCT	Mua vật tư	9.950.000
Công ty Hoá dầu Petrolimex- CN Hải Phòng	Cùng TCT	Nhập mua hàng (XD) Cước vận chuyển	7.408.593.927 2.711.039.904
Cộng			100.189.551.815

Giao dịch bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
			VND
TCT Xăng dầu Việt Nam	Cùng TCT	Cước vận tải	45.741.489.983
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	Cùng TCT	Cước vận tải	1.174.575.250
Công ty TNHH Hoá chất PTN	Cùng TCT	Cước vận tải	32.312.700
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Cùng TCT	Cước vận tải	1.339.939.695
Công ty Xăng dầu Thanh Hoá	Cùng TCT	Cước vận tải	2.023.346.005
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	Cùng TCT	Cước vận tải	1.378.664.726
Công ty Xăng dầu B12	Cùng TCT	Cước vận tải	1.942.620.053
Cộng			53.632.948.412

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	6.841.634.267	1.950.421.736
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	126.063.575	123.706.000
Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	22.082.337	-
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	127.284.678	109.511.954
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	704.491.584	135.870.523
Công ty Xăng dầu Thanh Hoá	146.503.430	343.995.281
Công ty TNHH Hóa chất PTN	-	69.269.797
Tổng	7.968.059.871	2.732.775.291
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	3.046.993.334	4.773.460.000
Công ty Xăng dầu KVI	3.559.787.490	1.964.224.422
Công ty Xăng dầu KVIII	3.721.287.032	6.790.378.243
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	196.151.409	105.492.118
Công ty TNHH MTV BDS VIPCO	18.109.680	18.109.680
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	-	10.000.000
Công ty Hóa dầu Petrolimex Hải Phòng	653.038.407	692.248.836
Tổng	11.195.367.352	13.661.664.463

Công ty con

Tên công ty con	Ngành nghề	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Sửa chữa, đóng mới tàu	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000

7. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Địa điểm lô đất	Diện tích	Đơn giá (đồng/m²)	Tiền thuê đất hàng năm
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	17.500,00	4.000	70.000.000
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	4.017,00	100	402.000
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	7.932,39	4.000	31.730.000
Tổng	29.449,39	8.100	102.132.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 06 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	Kinh doanh xăng dầu	Vận tải thủy	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa, đóng tàu	Dịch vụ khác	Tổng bộ phận đã bao cáo	Loại trừ	Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	97.561.136.713	55.298.873.412	-	15.631.038.969	240.327.279	168.731.376.373	-	168.731.376.373
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	25.063.486.067	-	-	-	-	25.063.486.067	(25.063.486.067)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	161.324.959	4.967.079.706	-	184.902.637	168.295.684	5.481.602.986	-	5.481.602.986
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.525.178.635	6.750.382.113	-	304.132.492	156.592.542	8.736.285.782	-	8.736.285.782
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCKD	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Tài sản bộ phận	15.011.563.131	73.919.717.978	25.660.516.410	20.547.755.408	2.786.852.394	137.926.405.321	-	137.926.405.321
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	35.393.341.171	-	35.393.341.171
Tổng tài sản (*)	-	-	-	-	-	173.319.746.492	-	173.319.746.492
8. Nợ phải trả bộ phận	13.543.204.249	4.530.233.776	30.034.106.988	22.287.822.222	-	70.395.367.235	-	70.395.367.235
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	12.306.909.976	-	12.306.909.976
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	82.702.277.211	-	82.702.277.211

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09a - DN/HN

9. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỐ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

10. SƠ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 đã được soát xét và Báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiêm toán.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng